TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 74/2021/DS-ST.
Ngày: 26/11/2021.
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2021/QĐST – DS, ngày 09/11/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Trương Vĩnh P**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 7 khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ Bị đơn: Ông **Vũ Quốc P1**, sinh năm 1977 (vắng mặt) và bà **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Vĩnh P trình bày như sau:*

Ông Trương Vĩnh P và vợ chồng ông Vũ Quốc P1, bà Nguyễn Thị Cẩm N là chỗ quen biết. Vào ngày 15/01/2020 ông P có cho vợ chồng ông P1 vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, việc vay tiền hai bên có lập biên nhận đề ngày 15/01/2020, ông P1 ký tên và ghi họ tên. Hết thời hạn vay thì vợ chồng ông P1 chỉ trả được số tiền gốc là 10.000.000 đồng (ngày 15/02/2020 trả 2.000.000 đồng, ngày 08/5/2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 03/7/2020 trả được 2.000.000 đồng và ngày 19/8/2020 trả được 2.000.000 đồng), số tiền còn lại 90.000.000 đồng thì đến nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa ông Trương Vĩnh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho ông số tiền vay gốc còn nợ là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/02/2020 đến ngày 15/3/2021 với lãi suất là 1%/tháng, thành tiền là 12.600.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 102.600.000 đồng.

** Bị đơn ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông P1 và bà N, ông bà nhận đầy đủ nhưng từ chối ký nhận văn bản. Tòa án đã tiến hành giải thích pháp luật nhưng ông P1 và bà N không đồng ý để Tòa án tiến hành ghi lời khai. Đồng thời Tòa án cũng yêu cầu ông P1 và bà N trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đến nay ông P1 và bà N không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho ông Trương Vĩnh P số tiền vay còn nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 12.600.000 đồng. Đồng thời buộc bị đơn chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Vĩnh P khởi kiện yêu cầu ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N trả số tiền vay còn nợ gốc và lãi là 102.600.000 đồng. Ông P1 và bà N cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định như sau: Vào ngày 15/01/2020 ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N có vay của ông Trương Vĩnh P số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng. Việc vay tiền hai bên có viết biên nhận cùng ngày, ông P1 ký tên và ghi họ tên. Hết thời hạn 1 tháng như thỏa thuận thì ông P1 và bà N chỉ trả được số tiền 2.000.000 đồng, đến ngày 08/5/2020 trả 4.000.000 đồng, ngày 03/7/2020 trả được 2.000.000 đồng và ngày 19/8/2020 trả được 2.000.000 đồng, tổng cộng qua 4 lần trả thì vợ chồng ông P1 trả được số tiền là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại thì đến nay

vẫn chưa trả. Do đó ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P1 và bà N phải trả cho ông số tiền vay còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 102.600.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo tờ giấy (không có tiêu đề) đề ngày 15/01/2020 mà ông P cung cấp cho thấy ông P1 có mượn của ông P số tiền 100.000.000 đồng, tờ giấy này ông P1 viết và ký tên, ghi họ tên. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông P1, bà N về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông P và đề nghị ông bà có ý kiến đối với yêu cầu trả nợ của ông P nhưng ông P1 và bà N vẫn không có ý kiến. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai đề ngày 22/11/2021 tại nhà ông P1 và bà N, mặc dù ông bà không đồng ý để cán bộ Tòa án ghi lời khai và không đồng ý ký tên vào biên bản nhưng bà N có trình bày nội dung: "*Ông P1 và bà N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, số tiền vay của ông P bà không biết, đến khi ông P đến đòi thì bà mới biết, hiện tại đang dịch bệnh nên vợ chồng bà chưa có tiền trả cho ông P"*. Như vậy có cơ sở để xác định việc ông P1 và bà N có vay tiền và còn nợ tiền của ông P là đúng sự thật. Việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cho vay là ông P đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao tài sản cho ông P1 và bà N. Tuy nhiên khi đến hạn trả thì bên vay lại không thực hiên đúng nghĩa vụ trả gốc và lãi cho ông P.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Xét yêu cầu tính lãi của ông P: Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên đến hạn trả nợ ông P1, bà N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Do đó việc ông P yêu cầu tính lãi từ ngày đến hạn trả nợ (15/02/2020) đến ngày 15/3/2021 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được chấp nhận. Buộc ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho ông

Trương Vĩnh P số tiền vay còn nợ gốc là 90.000.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 15/02/2020 đến ngày 15/3/2021 là 12.600.000 đồng (90.000.000đ x 1% x 14 tháng).

Ý kiến của kiểm sát viên là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.130.000 đồng (102.600.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 472, 743, 474, 476, 477 và khoản 2 Điều 257 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vĩnh P. Buộc ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho ông Trương Vĩnh P số tiền vay còn nợ gốc là 90.000.000 đồng và lãi là 12.600.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 102.600.000 đồng (Một trăm linh hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/.Về án phí DSST: Buộc ông Vũ Quốc P1 và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.130.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Trương Vĩnh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.565.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003009 ngày 20/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An